

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/ST-KDTM  
Ngày: 20.9.2022  
V/v: *tranh chấp hợp đồng xây  
dựng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phương T***

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đặng Như H**

2. Bà **Nguyễn Thị H**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền T**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H: Không tham  
gia phiên tòa**

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, thành phố H  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 5  
năm 2022 về “*tranh chấp hợp đồng xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 302/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần V; MST: 010202\*\*\*\***

Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà V, Số 3\* Hoàng C, phường D, quận Đ, Thành  
phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng M; Người đại diện hợp pháp: Bà  
Phạm Thị M; sinh ngày 15.10.19\*\*; căn cước công dân số 00116901\*\*\*\* cấp  
ngày 13.8.2020; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9 ngõ XX tổ 4 T, quận B,  
thành phố H. Điện thoại: 091217\*\*\*\*. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn: Công ty cổ phần N; MST: 010585\*\*\*\***

Địa chỉ: Số 3\* ngách 2\* ngõ 3\*\* phố Bùi XX, Phường K, Quận T, Thành  
phố H; Người đại diện theo pháp luật: ông **Nguyễn T**; Chức danh: Giám đốc; số

điện thoại: 098990\*\*\*\*. Vắng mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Ngày 29.4.2022, Công ty cổ phần V có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng đối với Công ty cổ phần N, yêu cầu khởi kiện cụ thể đến ngày Tòa án giải quyết vụ án như sau:

Buộc Công ty cổ phần N thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền nợ gốc: 2.144.678.200 VNĐ (Hai Tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm đồng).

Buộc Công ty cổ phần N thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền nợ lãi trên số nợ gốc (trước đây yêu cầu thanh toán lãi chậm trả từ năm 2018, đến nay tự nguyện chỉ yêu cầu thanh toán từ ngày 01.01.2021, mức lãi suất 10% năm/ số tiền nợ từ ngày 01.01.2021 đến 20/9/2022 (lãi của 20,5 tháng) = 366.382.526 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20.9.2022: 2.511.060.726 đồng.

Ngoài ra, Công ty cổ phần N phải tiếp tục chịu lãi chậm trả 10%/năm trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

1. Bản sao y chứng thực hợp đồng cung ứng và xây lắp số 112/HDDCUUXXL/N/2017 ngày 05.4.2017 hạng mục trần Rockfon.
2. Bản sao y chứng thực thanh lý hợp đồng cung ứng và xây lắp số 112/HDDCUUXXL/N/2018 ngày 32.12.2018 hạng mục trần Rockfon.
3. Bản sao y chứng thực hóa đơn số 1384 ngày 11.9.2017 của Công ty cổ phần V xuất cho Công ty cổ phần N.
4. Bản sao y chứng thực công văn đòi nợ số 2118/CN/ĐN ngày 06.11.2020 của Công ty cổ phần V.
5. Bản sao y chứng thực công văn số 90A/CT-CT N ngày 24.12.2020 của Công ty cổ phần N gửi Công ty cổ phần V đề nghị thanh toán công nợ theo từng đợt.
6. Thực tế thanh toán của Công ty cổ phần N trả Công ty cổ phần V tính

đến hết ngày 31.12.2021.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Công ty Cổ phần V đã hoàn thành đồng cung ứng và xây lắp số 112 / HĐCUXL “Cung cấp và thi công hoàn thiện hạng mục trần Rockfon“ tại công trình Tổng cục Thuế -123 LX, Quận H, thành phố H, đã bàn giao cho Công ty cổ phần N + Chủ đầu tư để đưa vào sử dụng ngày 30/12/2018. Chi tiết như sau:

Hợp đồng số: 112 / HĐCUXL/N/ 2017 hai bên ký ngày 05/04/2017 với giá trị là: 22.550.000.000 VNĐ (Hai mươi hai tỷ đồng, năm trăm năm mươi triệu đồng).

Thanh lý hợp đồng số: 112 /TLHĐCUXL/N/2018 hai bên nhất ký kết ngày 31/12/2018 với giá trị: 16.476.060.700 VNĐ (Mười sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm đồng)

Công ty Cổ phần N đã thanh toán trả Công ty V 06 đợt với tổng giá trị là: 14.331.382.500 VNĐ (Mười bốn tỷ đồng, ba mươi ba mươi một, ba mươi tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Số tiền Công ty cổ phần N còn thiếu chưa trả V đến ngày 31/12/2021 là: 2.144.678.200 VNĐ (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm đồng).

Công trình này đã được Công ty cổ phần N bàn giao cho Tổng Cục Thuế từ năm 2018. Tuy nhiên trong suốt thời gian đó, Công ty cổ phần N vẫn không thanh toán hết số nợ trên Công ty V. Công ty cổ phần N đưa ra lý do Chủ đầu tư chưa quyết toán, nên hết lần này đến lần khác đề nghị lùi thời gian trả nợ.

Trong suốt 02 năm từ 2019-2020 V vẫn sửa chữa, thay thế bảo hành, cung cấp sản phẩm khi có yêu cầu. Tháng 12 năm 2020 Chủ đầu tư là Tổng cục Thuế đã thanh toán cho Công ty N toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng, bao gồm cả tiền bảo hành (đã hết thời gian bảo hành công trình).

Ngày 05/05/2022 Công ty Cổ phần N đã gửi công văn số 13A/ CV-CTN đề nghị Công ty V cho lùi thời hạn thanh toán đến cuối Quý 4/2022. Nguyên đơn

không chấp nhận vì Công ty CP N đã không thực hiện đúng các cam kết nên khởi kiện ra Tòa án

Bị đơn, Công ty cổ phần N không đến Tòa án, có văn bản gửi Tòa án nhân dân quận T trình bày:

Chúng tôi là Công ty cổ phần N... Là đơn trong dịch vụ tranh chấp hợp đồng với đơn nguyên là Công ty cổ phần được V. Vụ án hiện đang được Quý Tòa thụ lý giải quyết theo quy định.

Ngày 3/6/2022 tôi có nhận được Thông báo về thụ lý số 37/2022/TB-TLVA ghi ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân quận T, trong đó có nội dung “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, người được thông báo phải nộp (gửi) cho Tòa án theo ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Tuy nhiên, hiện nay do cán bộ quản lý tài liệu hồ sơ của công ty không còn làm việc tại công ty, chúng tôi cần có thời gian để tìm lại các hồ sơ tài liệu để đưa ra ý kiến của mình về các yêu cầu khởi động của đơn nguyên. Do vậy, chúng tôi xin được lùi thời gian nộp bản ghi ý kiến cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo chậm nhất đến ngày 19/08/2022.

Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận được thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra giao dịch nộp, tiếp cận công chứng cứ và hòa giải ngày 30/6/2022 của tòa án nhân dân quận T về thời gian buổi làm việc công khai Chứng vào 14 giờ 00 phút, ngày 01/8/2022. Tuy nhiên, vào thời gian trên Người đại diện pháp luật Công ty chúng tôi đã có lịch công tác không có mặt ở H để tham gia buổi làm việc. Vì vậy, tôi xin được hoãn buổi làm việc vào thời gian nói trên và chuyển sang một ngày làm việc khác, tạo điều kiện cho tôi có thể tham gia. Chúng tôi rất mong Quý Tòa lưu tâm xem xét và chấp nhận đưa ra các vấn đề nêu trên của Công ty chúng tôi.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty cổ phần N thanh toán nợ gốc là: 2.144.678.200 VNĐ (Hai Tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm đồng; lãi chậm thanh toán đến ngày xét xử mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền là: 2.511.060.726 đồng.

Bị đơn: đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng

mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H: Không tham gia phiên tòa theo văn bản ngày 29.8.2022.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Công ty cổ phần V được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 010202\*\*\*\*; đăng ký lần đầu ngày 19.6.2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14.11.2019.

Công ty cổ phần N được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 010585\*\*\*\*; đăng ký lần đầu ngày 11.4.2012; có trụ sở chính đăng ký tại địa chỉ Số XX, ngách XX, ngõ 3\*\*, phố Bùi XX, phường K, quận T, thành phố H, Việt Nam.

Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Bị đơn là Công ty cổ phần N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng và tính chất của hợp đồng:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định nội dung vụ án như sau:

Ngày 05.4.2017, giữa Công ty cổ phần N và Công ty Cổ phần V đã ký kết hợp đồng kinh tế số 112/HDDCUXXL/N/2017 với các nội dung sau:

“Bên A giao cho bên B thực hiện cung cấp vật liệu và thi công hệ thống trần thả hệ giầu xương, tấm bông đá Sonar D của hãng Rockfon cho công trình Tòa nhà làm việc Tổng cục thuế- số 123 LX, quận H, thành phố H theo thiết kế đã được duyệt. (Nội dung các công việc bao gồm tất cả các công việc được thể hiện trong: Bản vẽ thiết kế, báo giá kèm theo hợp đồng này).

Ngoài ra hợp đồng còn có các điều khoản về: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật, thời gian và tiến độ thực hiện, điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình,

bảo hành, giá trị hợp đồng, thanh toán hợp đồng, an toàn và bảo đảm vệ sinh môi trường, bất khả kháng, tạm dừng, hủy bỏ hợp đồng, quyền và nghĩa vụ của các bên, bí mật, tranh chấp và giải quyết tranh chấp, điều khoản chung.

Hợp đồng giao kết tự nguyện, nội dung, mục đích giao kết không trái pháp luật nên hợp đồng được xác định là hợp pháp, các bên có nghĩa vụ thực hiện.

[3] Về quá trình thực hiện hợp đồng và yêu cầu khởi kiện:

Trên cơ sở thỏa thuận, các bên liên quan đã thực hiện các nội dung công việc sau:

Công ty Cổ phần V đã hoàn thành công việc theo hợp đồng cung ứng và xây lắp số 112 / HĐCUXL “Cung cấp và thi công hoàn thiện hạng mục trần Rockfon“ tại công trình Tổng cục Thuế -123 LX, Quận H, thành phố H, đã bàn giao cho Công ty cổ phần N + Chủ đầu tư để đưa vào sử dụng ngày 30/12/2018.

Hai bên đã ký bản thanh lý hợp đồng số: 112 /TLHĐCUXL/N/2018 hai bên nhất ký kết ngày 31/12/2018 với giá trị: 16.476.060.700 VNĐ (Mười sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi sáu triệu, không trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm đồng)

Công ty Cổ phần N đã thanh toán trả Công ty Cổ phần V 06 đợt với tổng giá trị là: 14.331.382.500 VNĐ (Mười bốn tỷ đồng, ba mươi ba mươi một, ba mươi tám mươi hai ngàn, năm trăm đồng).

Số tiền Công ty N còn thiếu chưa trả V đến ngày 31/12/2021 là: 2.144.678.200 VNĐ (Hai tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm đồng).

Trong quá trình thanh toán: giữa hai bên đã có các văn bản trao đổi qua lại như sau:

Công văn số 2118/CN/VĐ ngày 06.11.2020 của Công ty Cổ phần V gửi Công ty cổ phần N đề nghị thanh toán số tiền còn thiếu trước ngày 31.12.2020. Ngày 05.02.2021, Công ty cổ phần N thanh toán cho Công ty Cổ phần V số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 24.12.2020, Công ty cổ phần N có công văn số 90A/CV-CTN gửi Công ty Cổ phần V với nội dung như sau: Công ty cổ phần N cam kết sẽ thanh toán công nợ cho Công ty Cổ phần V theo tiến độ như sau:

- + Lần 1: Thanh toán 1.000.000.000 đồng trước ngày 29.01.2021.
- + lần 2: Thanh toán 800.000.000 đồng trước ngày 30.4.2021.
- + Lần 3: Thanh toán số tiền còn lại 844.678.200 đồng trước ngày 30.6.2021.

Tuy nhiên, Công ty cổ phần N không thực hiện việc thanh toán như cam kết.

Như vậy, có cơ sở xác định công nợ của Công ty cổ phần N theo hợp đồng cung ứng và xây lắp số 112 / HĐCUXL “Cung cấp và thi công hoàn thiện hạng mục trần Rockfon“ tại công trình Tổng cục Thuế -123 LX, Quận H, thành phố H, nợ gốc là: 2.144.678.200 đồng. Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần V buộc Công ty cổ phần N thanh toán nợ gốc là: 2.144.678.200 VNĐ (Hai Tỷ, một trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm đồng

Về phạt chậm trả: Hai bên thanh lý hợp đồng ngày 31.12.2018 và sau đó bị đơn đã thanh toán một phần tiền. Công văn số 2118/CN/VĐ ngày 06.11.2020 của Công ty Cổ phần V gửi Công ty cổ phần N đề nghị thanh toán số tiền còn thiếu trước ngày 31.12.2020 là đã thể hiện thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, Công ty cổ phần N không trả nợ theo thời hạn được yêu cầu. Do đó, kể từ ngày 01.01.2021 được xác định là ngày chậm trả. Về mức lãi suất: Đây là hợp đồng xây dựng nên theo quy định của luật xây dựng, mức lãi suất được áp dụng là mức lãi suất của Ngân hàng bên nhận thầu mở tài khoản. Công ty Cổ phần V tự nguyện tính mức lãi suất quá hạn là 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất quá hạn bên nhận thầu mở tài khoản (Ngân hàng Q) là phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Cụ thể: Số tiền chậm thanh toán: 2.144.678.200 đồng x 10%/năm x thời gian chậm thanh toán (từ 01.01.2021 đến 20.9.2022 là 1 năm 8 tháng 19 ngày, làm tròn là 20.5 tháng) = 366.382.526 đồng.

Tổng số tiền Công ty cổ phần N phải thanh toán trả Công ty Cổ phần V là: 2.511.060.726 đồng.

[4] Về các vấn đề khác của vụ án: Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Công ty cổ phần N phải chịu án phí có giá ngạch, cụ thể:

Tổng số tiền phải thanh toán: 2.511.060.726 đồng có án phí là 82.221.215 đồng.

Công ty cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 30, 63, 220, 227, 264, 266, 267, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 81, 108, 110, Luật xây dựng năm 2003.

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22.4.2015 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Điều 370, 385, 398, 418 Bộ luật dân sự 2015.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; điểm d mục 1.4 danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng xây dựng của Công ty cổ phần V đối với Công ty cổ phần N.



2- Buộc Công ty cổ phần N phải thanh toán cho Công ty cổ phần V số tiền theo hợp đồng cung ứng và xây lắp số 112 / HĐCUXL “Cung cấp và thi công hoàn thiện hạng mục trần Rockfon“ tại công trình Tổng cục Thuế -123 LX, Quận H, thành phố H và phụ lục hợp đồng; số tiền phải thanh toán là:

+ Nợ gốc: 2.144.678.200 đồng (hai tỉ một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm đồng).

+ Lãi chậm thanh toán: 366.382.526 đồng (ba trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm hai mươi sáu đồng).

Tổng số tiền phải thanh toán: 2.511.060.726 đồng (hai tỷ năm trăm mười một triệu không trăm sáu mươi nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng).

3. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Về án phí:

Công ty cổ phần N phải chịu 82.221.215 đồng (tám mươi hai triệu hai trăm hai mươi một nghìn hai trăm mười lăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty cổ phần V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Hoàn trả Công ty cổ phần V số tiền 37.500.000 đồng (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007735 ngày 25.5.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận T, thành phố H.

5- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**